

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
Ngày 15/10/2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14, Luật số 23/2023/QH15, Luật số 103/2025/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Tờ trình số /TTr-BYT ngày tháng năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030”, với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển du lịch y tế là nhiệm vụ liên ngành giữa y tế, du lịch và các ngành dịch vụ liên quan, nhằm phát huy lợi thế về năng lực chuyên môn y tế, y học cổ truyền, tài nguyên du lịch, văn hóa và con người Việt Nam; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, phát triển kinh tế dịch vụ, thu hút nguồn lực xã hội

và củng cố vị thế, hình ảnh quốc gia. Đồng thời, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Lấy chất lượng chuyên môn, an toàn người bệnh, quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ làm nền tảng; lấy người bệnh, khách du lịch y tế làm trung tâm; bảo đảm công khai, minh bạch về chất lượng, giá dịch vụ, quyền lợi, trách nhiệm và các thông tin cần thiết trong toàn bộ quá trình trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ.

3. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên nhu cầu thị trường và lợi thế cạnh tranh thực chất; ưu tiên một số nhóm dịch vụ, chuyên khoa và các điểm đến có năng lực cạnh tranh trong khu vực. Kết nối, khai thác hiệu quả năng lực của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, trung tâm y tế chuyên sâu.

4. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường pháp lý, tiêu chuẩn chất lượng, hệ thống thông tin, điều phối liên ngành và xúc tiến thương hiệu quốc gia; cơ sở y tế, doanh nghiệp du lịch và các chủ thể thị trường là lực lượng trực tiếp đầu tư, phát triển và cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Huy động hiệu quả nguồn lực xã hội; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa khu vực công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

5. Phát triển đồng bộ chuỗi dịch vụ du lịch y tế liên mạch, từ cung cấp thông tin, tư vấn trước điều trị, nhập cảnh, tiếp nhận, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, lưu trú, đi lại, thanh toán, bảo hiểm đến theo dõi sau điều trị; tăng cường chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu trên cơ sở tận dụng các nền tảng, cơ sở dữ liệu hiện có, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Trên cả nước; tập trung phát triển sản phẩm và mô hình du lịch y tế có trọng tâm, trọng điểm theo nhu cầu thị trường và lợi thế cạnh tranh.

2. Thời gian, lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026 - 2027: Thiết lập các điều kiện cần thiết, xác định số liệu ban đầu, lựa chọn sản phẩm, địa bàn.

- Năm 2028: Ban hành kế hoạch, triển khai tại các địa bàn được lựa chọn và tổ chức sơ kết, đánh giá.

- Giai đoạn 2029 - 2030: Hoàn thiện, nhân rộng có chọn lọc các mô hình hiệu quả; tổng kết Đề án trong năm 2030.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, hình thành chuỗi dịch vụ du lịch y tế Việt Nam chuyên nghiệp, an toàn, chất lượng cao; phát triển một số sản phẩm và điểm đến du lịch y tế có năng lực cạnh tranh trong khu vực; từng bước xây dựng uy tín và thương hiệu du lịch y tế Việt Nam trên thị trường quốc tế; góp phần nâng cao chất lượng

dịch vụ y tế, thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội và giảm nhu cầu ra nước ngoài khám bệnh, chữa bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoàn thiện cơ bản các điều kiện pháp lý, tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình chuyên môn và cơ chế phối hợp liên ngành, tạo điều kiện phát triển du lịch y tế tại Việt Nam.

b) Lựa chọn, phát triển một số điểm đến du lịch y tế trọng điểm tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hòa, An Giang (Phú Quốc) và một số địa phương khác, phù hợp với thế mạnh về chất lượng dịch vụ y tế, tài nguyên du lịch và điều kiện kết nối giao thông, lưu trú, nghỉ dưỡng; triển khai theo lộ trình, tổ chức đánh giá và nhân rộng có chọn lọc các mô hình hiệu quả.

c) Xây dựng và đưa vào triển khai các gói sản phẩm du lịch y tế có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam, bao gồm khám sức khỏe, tầm soát và phát hiện sớm bệnh; nha khoa, hỗ trợ sinh sản, một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu; y học cổ truyền, phục hồi chức năng; chăm sóc nâng cao sức khỏe, nghỉ dưỡng và chăm sóc người cao tuổi. Phấn đấu tối thiểu 20 bệnh viện đạt chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, trong đó có ít nhất 05 bệnh viện công lập.

d) Áp dụng thống nhất quy trình cơ bản đối với hành trình người bệnh quốc tế trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ y tế; bảo đảm cung cấp thông tin đa ngôn ngữ, minh bạch về chất lượng và chi phí, hỗ trợ đặt lịch, tiếp nhận, điều trị, thanh toán, theo dõi sau điều trị và xử lý các tình huống phát sinh.

đ) Từng bước định vị thương hiệu du lịch y tế Việt Nam gắn với thương hiệu du lịch quốc gia; bảo đảm tăng trưởng số lượng khách du lịch y tế gắn với chất lượng chuyên môn, an toàn người bệnh và hiệu quả kinh tế - xã hội.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và cơ chế điều phối về du lịch y tế

a) Rà soát tổng thể các quy định pháp luật liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh, du lịch, xuất nhập cảnh, giá, bảo hiểm, đầu tư, thanh toán, dữ liệu và các lĩnh vực khác; xác định rõ các vướng mắc thực tế, ưu tiên những nội dung cần xử lý ngay để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

b) Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi về thị thực, nhập cảnh, lưu trú và đi lại đối với người nước ngoài đến Việt Nam khám bệnh, chữa bệnh và người chăm sóc đi cùng đối với một số thị trường, phân khúc khách, phù hợp với pháp luật về xuất nhập cảnh, tính chất và thời gian điều trị; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

c) Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn liên quan đến giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phục vụ du lịch y tế; tạo điều kiện thuận lợi cho thanh toán quốc tế, bảo lãnh viện phí, kết nối giữa cơ sở y tế với doanh nghiệp bảo hiểm trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; khuyến khích phát triển các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách du lịch y tế.

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch y tế; huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy hợp tác công tư; rà soát, đề xuất các giải pháp phù hợp về đất đai, thuế, tín dụng và các hình thức hỗ trợ khác theo thẩm quyền, quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng tiêu chí đối với cơ sở y tế và các chủ thể tham gia mạng lưới du lịch y tế trên cơ sở chất lượng chuyên môn, an toàn người bệnh, năng lực phục vụ, bảo đảm công khai, minh bạch và khả năng phối hợp trong chuỗi dịch vụ.

e) Thiết lập cơ chế phối hợp và nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức quản lý, điều phối liên ngành về du lịch y tế phù hợp với yêu cầu thực tiễn; xây dựng quy trình phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin và chuyển xử lý giữa các cơ quan, đơn vị, bảo đảm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở y tế, doanh nghiệp và khách du lịch y tế.

2. Phát triển sản phẩm dịch vụ và hình thành điểm đến về du lịch y tế

a) Tổ chức đánh giá năng lực cung ứng dịch vụ y tế, chất lượng chuyên môn, nhân lực, cơ sở vật chất, khả năng hỗ trợ người bệnh quốc tế, tài nguyên du lịch, giao thông, lưu trú, nghỉ dưỡng và nhu cầu thị trường tại các địa phương; trên cơ sở đó xác định các nhóm sản phẩm, gói dịch vụ ưu tiên theo từng giai đoạn và từng thị trường.

Ưu tiên rà soát tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hòa và An Giang (Phú Quốc); việc lựa chọn điểm đến cụ thể căn cứ kết quả đánh giá, không dàn trải nguồn lực hoặc xác định mọi địa bàn đều đủ điều kiện.

b) Lựa chọn, xây dựng kế hoạch phát triển du lịch y tế tại địa phương, xác định sản phẩm ưu tiên, nhóm khách hàng và thị trường mục tiêu, cơ sở y tế tham gia, doanh nghiệp và đơn vị dịch vụ liên kết, nhu cầu hạ tầng, nhân lực, kinh phí, tiến độ, chỉ số đánh giá và đầu mối chịu trách nhiệm.

c) Phát triển gói sản phẩm trên cơ sở lợi thế chuyên môn và nhu cầu thị trường, tập trung vào khám sức khỏe, tầm soát và phát hiện sớm bệnh; nha khoa; hỗ trợ sinh sản; một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu; y học cổ truyền; phục hồi chức năng; chăm sóc nâng cao sức khỏe, nghỉ dưỡng và chăm sóc người cao tuổi.

d) Tổ chức liên kết tự nguyện giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, vận chuyển, phiên dịch, bảo hiểm, thanh toán và các đơn vị cung ứng dịch vụ liên quan để hình thành hành trình dịch vụ liền mạch; bảo đảm minh bạch, cạnh tranh bình đẳng.

đ) Triển khai theo lộ trình, đánh giá trước khi mở rộng hoặc nhân rộng mô hình. Việc đánh giá cần dựa trên tiêu chí đã công bố, hồ sơ và dữ liệu có thể kiểm chứng, kết quả chuyên môn và an toàn người bệnh, mức độ hài lòng, hiệu quả phối hợp chuỗi dịch vụ, tính khả thi tài chính và tác động kinh tế - xã hội.

3. Nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm an toàn người bệnh và phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao năng lực chuyên môn, quản trị chất lượng, ngoại ngữ, giao tiếp và phục vụ người bệnh; tăng cường an toàn người bệnh và cải thiện trải nghiệm của khách hàng tại các cơ sở tham gia mạng lưới du lịch y tế Việt Nam; bảo đảm công khai, minh bạch các thông tin cần thiết và không ảnh hưởng đến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân trong nước; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn, mô hình quản lý chất lượng được quốc tế thừa nhận phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

b) Xây dựng khung hành trình người bệnh, quy trình tư vấn, tiếp nhận, hỗ trợ, điều phối và theo dõi sau sử dụng dịch vụ; quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, đơn vị vận chuyển và doanh nghiệp dịch vụ hỗ trợ.

c) Phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch y tế theo nhu cầu thực tế; chú trọng ngoại ngữ chuyên ngành, giao tiếp liên văn hóa, phiên dịch y khoa, quản lý chất lượng, chăm sóc khách hàng quốc tế, thanh toán và bảo hiểm; lồng ghép với chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện có.

4. Phát triển thị trường, thương hiệu chuỗi dịch vụ du lịch y tế

a) Nghiên cứu, đánh giá nhu cầu và đặc điểm của các thị trường nguồn; xác định một số thị trường quốc tế trọng điểm trên cơ sở lợi thế cạnh tranh của từng nhóm sản phẩm, kết nối giao thông, khả năng thanh toán, bảo hiểm, đặc điểm văn hóa và quan hệ hợp tác với Việt Nam.

b) Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch y tế Việt Nam gắn với thương hiệu du lịch quốc gia; triển khai chiến lược truyền thông, quảng bá theo từng thị trường mục tiêu; gắn thương hiệu với chất lượng dịch vụ và kết quả đánh giá, công nhận cơ sở cung ứng dịch vụ. Lồng ghép nội dung quảng bá du lịch y tế trong các hoạt động đối ngoại của Nhà nước và sự kiện quốc tế phù hợp.

c) Tổ chức xúc tiến có trọng tâm theo từng thị trường, phân khúc khách hàng và sản phẩm. Đổi mới phương thức xúc tiến, quảng bá; tăng cường hợp tác với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, doanh nghiệp lữ hành, hãng hàng không, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức hỗ trợ khách du lịch y tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

d) Thiết lập đầu mối thông tin du lịch y tế quốc gia đa ngôn ngữ theo hướng tích hợp, kết nối, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có, bảo đảm cung cấp thông tin chính thống về cơ sở, điểm đến, sản phẩm, chất lượng và các dịch vụ hỗ trợ.

đ) Xây dựng hệ thống thống kê, theo dõi thị trường du lịch y tế; phân loại khách nước ngoài cư trú tại Việt Nam, khách du lịch có phát sinh nhu cầu y tế và khách nhập cảnh chủ yếu với mục đích khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; định kỳ công bố các chỉ số cơ bản phục vụ quản lý và phát triển thị trường.

5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

a) Đa dạng hóa nguồn lực từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa, hợp tác công tư và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước; ưu tiên nguồn lực nhà nước cho hoàn thiện chính sách, tiêu chuẩn, đào tạo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương hiệu quốc gia; khuyến khích đầu tư phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch y tế theo quy định của pháp luật.

b) Đẩy mạnh hợp tác về quản lý chất lượng, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, bảo hiểm và xúc tiến thị trường; tăng cường kết nối cơ sở y tế Việt Nam với mạng lưới y tế quốc tế, doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức có uy tín, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, cụ thể:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, cơ quan, địa phương theo phân cấp hiện hành và khả năng cân đối hằng năm; tập trung cho các nhiệm vụ về xây dựng thể chế, chính sách, tiêu chuẩn chuyên môn, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia, xây dựng thương hiệu quốc gia và xúc tiến thị trường. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

2. Nguồn vốn của các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập và các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Đề án được sử dụng để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển các dịch vụ theo phạm vi hoạt động, khả năng tài chính và quy định của pháp luật.

3. Nguồn viện trợ, hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn tài trợ, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, bảo đảm cụ thể, khả thi, bám sát yêu cầu thực tiễn và theo nguyên tắc “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” và phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiến độ theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai Đề án và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm (trước ngày 01 tháng 12) gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Y tế chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp kết quả thực hiện Đề án; chủ trì hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực

y tế, xây dựng tiêu chí đối với cơ sở y tế, hướng dẫn phát triển gói dịch vụ và quy trình phục vụ khách du lịch y tế; phối hợp lựa chọn, phát triển các điểm đến, xây dựng hệ thống thống kê, thông tin và thương hiệu du lịch y tế Việt Nam. Định kỳ hằng năm, Bộ Y tế tổng hợp báo cáo chung về kết quả thực hiện Đề án và tổ chức sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn để đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án; đồng thời chủ động báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền về các giải pháp cần thiết bảo đảm việc triển khai Đề án đồng bộ, hiệu quả.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các địa phương trong phát triển thị trường, xúc tiến, quảng bá du lịch y tế gắn với thương hiệu du lịch quốc gia; xác định thị trường trọng điểm, xây dựng tiêu chí đối với doanh nghiệp lữ hành và các đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch tham gia mạng lưới du lịch y tế; phát triển sản phẩm, hình thành điểm đến, kết nối chuỗi dịch vụ và đánh giá kết quả triển khai.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện chính sách, quy định về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú đối với khách nước ngoài đến Việt Nam khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và người đi cùng; phối hợp trao đổi thông tin phục vụ công tác quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách trung ương để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật khác có liên quan và khả năng cân đối ngân sách hằng năm trên cơ sở các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bảo hiểm thuộc phạm vi quản lý phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; thúc đẩy kết nối, trao đổi thông tin giữa các tổ chức bảo hiểm trong nước và quốc tế, bảo lãnh viện phí, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu phát triển sản phẩm bảo hiểm phù hợp với khách du lịch y tế theo quy định của pháp luật.

6. Các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Dân tộc và Tôn giáo; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách; thúc đẩy hợp tác quốc tế, kết nối thị trường, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hoàn thiện các cơ chế về thanh toán, đầu tư, hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển du lịch y tế phù hợp với điều kiện, lợi thế và nhu cầu thị trường của địa phương; phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn cơ sở y tế, sản phẩm và địa bàn đáp ứng tiêu chí để hình thành điểm đến du lịch y tế; huy động nguồn lực, thúc đẩy liên kết chuỗi dịch vụ, kiểm tra, giám sát chất lượng, bảo đảm an toàn người bệnh và

quyền lợi của người sử dụng dịch vụ, không ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân.

Nghiên cứu, áp dụng theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch y tế, nhất là về đất đai, tiếp cận tín dụng và các hình thức hỗ trợ hợp pháp khác; đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét các chính sách về thuế, đất đai, tín dụng và ưu đãi đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch y tế; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội theo quy định; khuyến khích sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong nâng cao chất lượng dịch vụ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

9. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án, các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát, đề xuất và gửi Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGD Công TTĐT, các Vụ: PL, NC, KTTH, TCCV, QHĐP, TH, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ
TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “PHÁT TRIỂN DU LỊCH Y TẾ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030”
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện thể chế, chính sách và cơ chế điều phối về du lịch y tế				
1	Rà soát các quy định pháp luật liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh, du lịch, xuất nhập cảnh, cư trú, giá dịch vụ, bảo hiểm, đầu tư, thanh toán, dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; tổng hợp vướng mắc, phân loại nội dung thuộc thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý	Bộ Y tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	6/2027
2	Rà soát, hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về thị thực, nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú đối với khách du lịch y tế và người đi cùng	Bộ Công an	Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	6/2027
3	Hướng dẫn về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phục vụ khách du lịch y tế	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	3/2028
4	Nghiên cứu, đề xuất, triển khai các chính sách, giải pháp thu hút, ưu đãi đầu tư phát triển du lịch y tế về thuế, đất đai, tín dụng và các hình thức hỗ trợ hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2027 - 2030
5	Xây dựng bộ tiêu chí đối với cơ sở y tế tham gia mạng lưới du lịch y tế	Bộ Y tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	9/2027

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
			các bộ, cơ quan liên quan		
6	Xây dựng bộ tiêu chí đối với doanh nghiệp lữ hành và các cơ sở, đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch tham gia mạng lưới du lịch y tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Y tế và các bộ, cơ quan liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9/2027
7	Thiết lập cơ chế phối hợp và nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức quản lý, điều phối liên ngành về du lịch y tế phù hợp với yêu cầu thực tiễn; xây dựng quy trình phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin và chuyển xử lý giữa các cơ quan, đơn vị	Bộ Y tế Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan liên quan	Quyết định của cấp có thẩm quyền	12/2027
II	Phát triển sản phẩm dịch vụ và hình thành điểm đến về du lịch y tế				
8	Tổ chức đánh giá năng lực cung ứng dịch vụ du lịch y tế	Bộ Y tế Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ủy ban nhân dân các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế; Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Khánh Hòa, An Giang và các địa phương liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	9/2027
9	Xây dựng danh mục và hướng dẫn triển khai các gói sản phẩm dịch vụ du lịch y tế	Bộ Y tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Nông	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	12/2027

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
			ng nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố		
10	Xây dựng kế hoạch phát triển du lịch y tế tại địa phương	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định của cấp có thẩm quyền	3/2028
III	Nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm an toàn người bệnh và phát triển nguồn nhân lực				
11	Xây dựng khung hành trình người bệnh là khách du lịch y tế	Bộ Y tế	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	3/2028
12	Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch y tế	Bộ Y tế Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện (hàng năm)	2027 - 2030
IV	Phát triển thị trường, thương hiệu chuỗi dịch vụ du lịch y tế				
13	Xác định các thị trường quốc tế trọng điểm; lồng ghép nội dung xúc tiến, quảng bá du lịch y tế vào chương trình xúc tiến du lịch quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng	Báo cáo kết quả thực hiện (hàng năm)	2027 - 2030
14	Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch y tế Việt Nam gắn với thương hiệu du lịch quốc gia	Bộ Y tế	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ	Báo cáo kết quả thực hiện (hàng năm)	2027 - 2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ngoại giao và các địa phương		
15	Xây dựng hệ thống thống kê, phân loại khách du lịch y tế và Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá hoạt động du lịch y tế	Bộ Y tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	12/2027
V	Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế				
16	Thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư; thiết lập, mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý chất lượng, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, bảo hiểm và xúc tiến thị trường du lịch y tế	Bộ Y tế Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các bộ, cơ quan liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện (hàng năm)	2027 - 2030